

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 22/02/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTC1+PPD+P9	7:25	17+2+3	0+0+0		13+0+9	0+0+0	chuyen 4 pax ctc1-ppd
2		PVD1+RP2+RC4	7:25	17+5+0	0+0+0		15+4+3	0+0+0	chuyen 1 PVD1-rp2
3		BK8+RC10+MRM	7:25	1+6+8	0+0+0		0+12+10	0+0+0	
4		BK6+BK8+P2	9:25	8+7+7	0+0+0		4+7+11	0+0+0	chuyen 1 bk8- p2
5		RCDM+RC5+RP2	9:25	0+0+18	0+0+0		0+1+21	0+0+0	chuyen 4 rcdm- rc5
6		RP1+RP2+RC3	9:25	1+13+6	0+0+0		2+13+7	0+0+0	
7		BK4+BK15+PVD1	11:25	0+0+14	0+0+0		1+0+21	0+0+0	chuyen 1 bk4- bk15
8		P2+VSP02+RP2	11:25	8+14+0	0+0+0		8+0+14	0+0+0	
9		P2+BK5+BK6	13:25	14+6+0	0+0+0		12+5+3	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 9 người đi CTC1 đi về trong ngày +1 ctc1 (qua PVD1-10ng), 3 người đi bk6 về chuyển cuối

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/02/2023	TO: CTC1 - PPD - P9	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: VThắng - NPhú - MQUÂN -	ETA: 09:20
xanh-1		Tú	

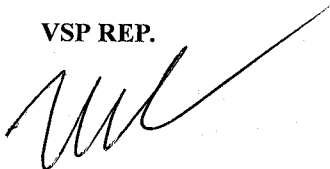
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH TRUNG KIẾN	CTC1					70	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN TRƯỜNG TUNG	CTC1	37	1	5		72	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYỄN HOAI VU	CTC1					70	D-HANH	Vietnamese
4	MIKHAIYLOV	CTC1	30	1	5		70	D-HANH	Russian
5	REZNIHKO	CTC1					100	D-HANH	Russian
6	KRAMARENKO	CTC1					79	D-HANH	Russian
7	SHEVCHENKO	CTC1	32	1	10		70	D-HANH	Russian
8	NGUYỄN ANH THƯ	CTC1					52	D-HANH	Vietnamese
9	AKOPOV D.	CTC1	26-27	2	18		80	KH-THAC	Russian
10	LÊ ANH VŨ	CTC1	28	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TIẾN THỨC	CTC1	39	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TẠ VĂN VIỆT	CTC1	38	1			75	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN TRỌNG MẠNH	CTC1	32	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NIKITIN NI	CTC1					90	ANTOAN	Russian
15	HOANG NGOC LAN	CTC1	29	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI SI HIEU	CTC1	25	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ QUANG ANH HUNG	CTC1	333	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	TRƯỜNG ANH TÚ	PPD	21	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ TUẤN ANH	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM TÙNG DƯƠNG	P9	45-46	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
21	DƯƠNG ĐĂNG CƯỜNG	P9	47-48	2	18	60	68	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN MẠNH HIỀN	P9	75-77	3	18		70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTC1	17	12	73	1.230	0	13	4	CHUYEN 04 PAX TU CTC1 SANG PPD +1 NB NGHIEN XUAN TU(CGTK)
2	PPD	2	1	5	137	0	0		
3	P9	3	7	54	208	60	9		
TOTAL		22	20	132	1.575	60	22		
WEIGHT KG				132	1.575	60			

GRAND TOAL: 1.767 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: PVD1 - RP2 - RC4	CREW: TUYỀN - ĐNam - Huy	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI ANH TU	PVD1	55	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
2	THOMAS HOGG	PVD1	51-52	2	15		75	PVD DD	British
3	TRẦN THỂ HIỂN	PVD1	49	1	7		65	PVD DD	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỌNG BẢNG	PVD1	56	1	10		71	PVDO	Vietnamese
5	NGUYỄN CÔNG CUÔNG	PVD1	50	1	8		58	PVDO	Vietnamese
6	ĐOÀN VĂN TUẤN	PVD1	57	1	8		68	PVDO	Vietnamese
7	HOÀNG TRUNG KIẾN	PVD1	46	1	5		73	PVDO	Vietnamese
8	PHAN NGỌC TỰU	PVD1	48	1	12		60	PVDO	Vietnamese
9	TRẦN THANH TUYỀN	PVD1	53	1	7		63	PVDO	Vietnamese
10	ĐÀO XUÂN KIỆM	PVD1	45	1	4		49	PVDO	Vietnamese
11	TRƯƠNG HUY BÌNH	PVD1	47	1	4		67	PVDO	Vietnamese
12	NGUYỄN HỮU TÙNG	PVD1	44	1	3		70	PVDO	Vietnamese
13	TRẦN THỂ ĐĂNG	PVD1	42-43	2	15		81	PVDO	Vietnamese
14	VÔ VĂN ĐỊNH	PVD1	54	1	7		74	PVDO	Vietnamese
15	KHALIMOV	RP2	57	1	12		93	KH-THAC	Russian
16	ĐINH XUÂN GIANG	RP2	62	1	4	70	75	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN CÔNG HOÀNG	RP2	61	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
18	LƯU VĂN ĐIỂN	RP2	56	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HÙNG CUÔNG	RP2	60	1	5	22	80	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN MANH QUAN	RP2	67	1	7		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	14	16	115	944	0	15		CHUYEN 01 PVD1 SANG RP2
2	RP2	6	6	43	458	92	4		
3	RC4	0	0	0	0	30	3		
TOTAL		20	22	158	1.402	122	22		
WEIGHT KG				158	1.402	122			

GRAND TOAL: 1.682 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/02/2023	TO: BK8 - RC10 - MRM	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: PHÚ - LĤai - ĐANG	ETA: 09:30
VANG-1			

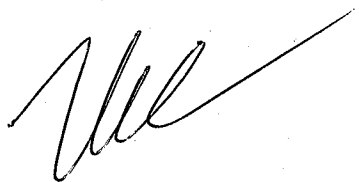
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BAGRAMOV A.G	BK8	98	1	15		98	KH-THAC	Russian
2	CHU ĐỨC HƯNG	RC10	11	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TRỌNG TÂN	RC10	13	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM TRUNG KIẾN	RC10					71	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÀO TRƯỜNG SƠN	RC10	05	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG CÔNG DANH	RC10	06-07	2	15	232	75	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYỄN DINH AN	RC10	09	1	7		54	PSV	Vietnamese
8	DEREVYANKO ARTEM	MRM	67	1	9		78	AMNGR	Russian
9	DEREVYANKO NIKOLAI	MRM	68	1	8		86	AMNGR	Russian
10	TRẦN HỮA TUÂN	MRM	70-71	2	18		61	HALLIBUR	Vietnamese
11	KIRICHENKO K.P.	MRM	72	1	9		85	KHOAN	Russian
12	LÀ QUY DANH	MRM	83	1	7		62	DVL	Vietnamese
13	ĐỖ TRỌNG HIẾN	MRM	81-82	2	16		71	DVL	Vietnamese
14	HOANG XUAN CANH	MRM	64-66	3	19		72	PSV	Vietnamese
15	LE CHI QUANG	MRM	69	1	4		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	1	1	15	98	0	0		
2	RC10	6	6	39	404	232	12		
3	MRM	8	12	90	582	0	10		
TOTAL		15	19	144	1.084	232	22		
WEIGHT KG				144	1.084	232			

GRAND TOAL: 1.460 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	TO: BK6 - BK8 - P2	CREW: VThắng - NPhú - MQUÂN - Tú	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THỀ TIÊN	BK6	20	1	5		76	D-HANH	Vietnamese
2	BAGRAMOVA EMMA	BK6				30	52	NIPI	Russian
3	BAGNYUKOVA JULIA	BK6	79	1	5		56	NIPI	Russian
4	LÊ NGỌC AN	BK6	19	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ VĂN THỌ	BK6	15	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
6	CHU QUYNH AN	BK6	24	1	5		100	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN PHE	BK6	14	1	7		67	PSV	Vietnamese
8	DUƠNG VĂN CHÂU	BK6	13	1	5		55	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN TẤT HOA	BK8	41	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN THUẬN	BK8	43	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC HOANG HAI	BK8	42	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HỮU HẠ	BK8	40	1	8		55	KH-THAC	Vietnamese
13	TÀNG MẠNH HÀ	BK8	99	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI ĐẮC CANH	BK8	400	1	5	60	65	PSV	Vietnamese
15	PHẠM DUY CHUNG	BK8	35	1	7		67	DK9	Vietnamese
16	TRẦN TRỌNG PHONG	P2	48-50	3	18		72	YTE	Vietnamese
17	DUONG ĐỨC HIẾU	P2	47	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN SƠN TRƯỞNG	P2	53	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM QUỐC HIẾN	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐOÀN NGUYỄN BAO CHÂU	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN ĐỨC HUY	P2	51	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	HOANG MINH ĐỨC	P2	52	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	8	7	39	556	30	4		CHUYEN 1 PAX BK8-P2 1NB NGHIEM XUAN TU (CGTK)
2	BK8	7	7	45	482	60	7	1	
3	P2	7	7	40	482	0	11		
TOTAL		22	21	124	1.520	90	22		
WEIGHT KG				124	1.520	90			

GRAND TOAL: 1.734 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/02/2023	TO: RCDM - RC5 - RP2	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: TUYỀN - ĐNam - Huy	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN BA DUY	RP2	07	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN LIÊM	RP2	08	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐÀU HUY HOANG	RP2	11	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ CÔNG MINH HIỂU	RP2	17-18	2	15		96	KH-THAC	Vietnamese
5	HOÀNG VĂN LINH	RP2	02-03	2	8		61	YTE	Vietnamese
6	TRẦN NGỌC CHÍNH	RP2	09	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM XUÂN KHOA	RP2	16	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỖ ĐỨC CUÔNG	RP2					78	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẦN TÂN TÀI	RP2	13	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HỒNG QUANG	RP2	15	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẦN HAI VIỆT	RP2	12	1	8		92	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM HOÀNG HÙNG	RP2	01	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ HUU QUAN	RP2	10	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
14	HOÀNG TUÂN CUÔNG	RP2	14	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH HÙNG	RP2	04-05	2	8		66	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ HOÀNG CAM	RP2	06	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	0	0	0	0	35	0+6		CHUYEN 6 PAX RCDM-RC5
2	RC5	0	0	0	0	35	1		
3	RP2	16	18	114	1.152	0	21		
TOTAL		16	18	114	1.152	70	22		
WEIGHT KG				114	1.152	70			

GRAND TOAL: 1.336 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 6	TO: RP1 - RP2 - RC3	CREW: PHÚ - L Hải - ĐANG	ETA: 11:50
VANG - 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN HIẾU	RP1	71	1	12	68	82	NIPI	Vietnamese
2	LUƠNG XUÂN THÀNH	RP2	79	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ VIỆT TRƯỞNG	RP2	69	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	31	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN NGÔN QUANG DUY	RP2	70	1	5		94	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT NHƯÔNG	RP2	71	1	3		59	KH-THAC	Vietnamese
7	LUƠNG NGỌC THANH	RP2	72	1	3		96	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ HOÀI THIÊN	RP2	73-74	2	20		74	DVL	Vietnamese
9	HOANG MẠNH HÙNG	RP2	78	1	5		81	PSV	Vietnamese
10	PHẠM ĐỨC CẢNH	RP2	80	1	4		62	PSV	Vietnamese
11	TRẦN TRỌNG QUI	RP2	77	1	5		65	PSV	Vietnamese
12	VŨ ĐÌNH TỰ	RP2	75	1	8		60	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN THE VĂN	RP2	68	1	6		68	PSV	Vietnamese
14	LÊ LAM	RP2	76	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN XUAN HAI	RP2	82	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ LÊ TRUNG	RC3	07	1	2	30	66	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM THE MẠNH	RC3	08	1	10	20	65	KH-THAC	Vietnamese
18	DƯƠNG MINH KHÁNH	RC3	05	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
19	NGÔ KHÁNH NAM	RC3	03	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
20	HỒ VĂN ĐỨC	RC3	06	1	6		66	PSV	Vietnamese
21	TRẦN QUYẾT TIỀN	RC3	04	1	5		70	PVGAS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	1	1	12	82	68	2		
2	RP2	14	15	83	1.000	0	13		
3	RC3	6	6	33	405	50	7		
TOTAL		21	22	128	1.487	118	22		
WEIGHT KG				128	1.487	118			

GRAND TOAL: 1.733 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/02/2023	TO: BK4 - BK15 - PVD1	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Dương - CHIẾN - D. TÙNG	ETA: 14:00
XANH -3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TRUONG SON	PVD1	73-74	2	16		46	PVD TECH	Vietnamese
2	DOAN MINH DUONG	PVD1	72	1	10		62	PVD TECH	Vietnamese
3	NGUYEN THANH TRUNG	PVD1	76	1	10		73	PVD TECH	Vietnamese
4	LE ANH PHUOC	PVD1	40,80	2	12		88	PVD TECH	Vietnamese
5	NGUYEN VAN THINH	PVD1	70	1	8		55	PVD TECH	Vietnamese
6	PHAM QUOC TOAN	PVD1	77	1	8		77	PVD TECH	Vietnamese
7	ĐO MINH TINH	PVD1	58-59	2	14		91	PVD TECH	Vietnamese
8	ĐO GIA ĐỨC	PVD1	66-67	2	8		74	PVD	Vietnamese
9	NGUYEN HUY QUANG	PVD1	71	1	10		80	PVD TRAIN	Vietnamese
10	NGUYEN QUYET QUYNH	PVD1	63-64	2	20		65	BAKERHUC	Vietnamese
11	NIYATI ISSARAPREEDA	PVD1	60-61	2	20		74	BAKERHUC	Thailand
12	NGUYEN DUY PHUC	PVD1	78-79	2	20		63	PVD LOGGI	Vietnamese
13	TRAN THANH TAM	PVD1	62	1	11		55	BAKERHUC	Vietnamese
14	NGUYEN ĐĂNG HUNG	PVD1	68-69	2	15		60	DMC-MI	Vietnamese
15	MAI MINH TUAN	PVD1	26	1	6		65	PSV	Vietnamese
16	LE TAT VINH	PVD1	75	1	4		78	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN VAN TRUONG	PVD1	27	1	5		56	PSV	Vietnamese
18	HA VAN CANH	PVD1	48-49	2	15	20	60	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG NGOC TAN	PVD1	25,50	2	10		61	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	0	0	0	0	77	1	1	CHUYEN 1 PAX BK4-BK15
2	BK15	0	0	0	0	22	0		
3	PVD1	19	29	222	1.283	20	21		
TOTAL		19	29	222	1.283	119	22		
WEIGHT KG				222	1.283	119			

GRAND TOAL: 1.624 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
FLIGHT: 8	TO: P2 - VSP02 - RP2	CREW: HUNG - MTHAO - Vũ	ETA: 14:05
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ NGỌC HẢI	P2	54	1	8		95	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ VĂN ĐÔNG	P2	55	1	6		93	KH-THAC	Vietnamese
3	LƯU VĂN TÚ	P2	58	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ VĂN HIỆU	P2	59	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG SY NGOC	P2	61	1	10	50	68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH NAM	P2	60	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HIỆU	P2	57	1	7		84	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM NGUYỄN HOANG PHÚC	P2	56	1	3		86	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐINH XUÂN HUNG	VSP02	52	1	8	28	75	BA SON	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TỈNH	VSP02	53	1	8		60	BA SON	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC HIỆU	VSP02	30,500	2	15		78	BA SON	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN THỊ	VSP02	34-35	2	12	55	55	SHINTRAC	Vietnamese
13	TRẦN LÊ DUY	VSP02	32-33	2	12		72	SHINTRAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN ĐEN	VSP02	31	1	7		53	SHINTRAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN CUONG	VSP02	82	1	10		62	SHINTRAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HỒ	VSP02	73-74	2	12		52	SHINTRAC	Vietnamese
17	TẠ NGỌC LINH	VSP02	72	1	5		60	SHINTRAC	Vietnamese
18	ĐẠO THẾ LỘC	VSP02	77	1	12		88	SHINTRAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN THÂN	VSP02	81	1	10		50	SHINTRAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TÂN CUONG	VSP02	75-76	2	14		60	SHINTRAC	Vietnamese
21	NGUYỄN THUẬN THANH	VSP02	79-80	2	16		57	SHINTRAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN ỨT	VSP02	78	1	10		60	SHINTRAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	8	8	49	619	50	8		
2	VSP02	14	20	151	882	83	0		
3	RP2	0	0	0	0	0	14		
TOTAL		22	28	200	1.501	133	22		
WEIGHT KG				200	1.501	133			

GRAND TOAL: 1.834 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/02/2023	TO: P2 - BK5 - BK6	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:30
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Dương - CHIẾN - <i>DTUNG</i>	ETA: 16:20
TRANG-4			

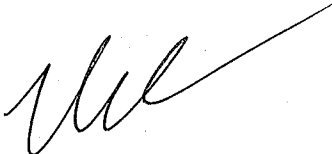
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TIẾN HÙNG	P2	75	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN PHONG	P2	66	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ NGỌC DŨNG	P2	71	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC DU	P2	76	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM VĂN QUYỀN	P2	74	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN CÔNG THANH	P2	77-78	2	10		78	KH-THAC	Vietnamese
7	KLING	P2	70	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI THỌ DŨNG	P2	79	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN PHU HỮU	P2	67	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐO HUY HUNG	P2	68-69	2	8		71	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ SINH TÂM	P2	64	1	10		92	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ ĐÌNH HUÂN	P2	65	1	3		46	KH-THAC	Vietnamese
13	MAI MINH TIẾN	P2	73	1	5		70	PSV	Vietnamese
14	ĐO HUY KHANH	P2	72	1	10		79	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HỒNG	BK5	33	1	8	25	65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC HOÀN	BK5	27-28	2	9		60	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐINH VĂN HAI	BK5	30	1	8	15	65	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ XUÂN TÂM	BK5	29	1	15		67	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN VĂN HÒA	BK5					72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

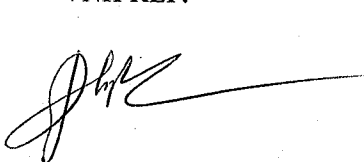
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	14	16	89	971	0	12		
2	BK5	5	5	40	329	40	5		
3	BK6	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		19	21	129	1.300	40	20		
WEIGHT KG				129	1.300	40			

GRAND TOAL: 1.469 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

